

## ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

### QUYỂN 29

- Số từ câu: “Lại cứu xét về bốn đế này” tiếp xuống: Là bàn về Tứ đế thứ tư là Vô tác Tứ đế. Văn nơi bản Số giải cũng gồm ba phần:

Một: biện minh chung. Nói : “Chẳng phải chỉ riêng mỗi không”: Là phân biệt với Vô sinh Tứ đế ở trên chỉ hiển bày về nghĩa không. “Cho nên là chân thật” đúng là chỗ tông chỉ nhằm đạt tới.

Hai: Từ câu: “Nay thấu tỏ” tiếp xuống: Là nêu ra riêng về bốn Tướng. Câu: “Ấm, Nhập đều là Như”: Trước thì nói “Tức Không”. Nay thì cho “Tức Như” thì rõ Lý đã khác nhau.

Lại nói: “Không khổ có thể bỏ” chẳng phải là không nên không có đều có thể bỏ. Nay Thể tức là Như, ngoài Như không có khổ thì chỗ nào lìa bỏ? Câu này nói Như còn giống như là “Không”.

Nói: Tập tức “Vô minh phiền não đều tức là Bồ đề” thì há đồng với không, khổ nêu trước? Ngoài Thể của Bồ đề không có cái riêng để đoạn trừ, chẳng giống với không của vô sinh, không thể đoạn trừ. Trước thì trong không chẳng có Hoa, làm sao có thể chọn lấy? Nay thì sống tức là nước nên chẳng thể trừ sống. Hai đế sau (diệt, đạo) cũng giống như thế.

Câu: “Sanh tử tức Niết-Bàn”: Chẳng phải là cái Không của Thể không sinh diệt. Câu: “Biên kiến, tà kiến đều là Trung, Chánh” tức chẳng phải là lìa bỏ Biên kiến, ngoài ra có riêng Trung đạo, chẳng phải lìa bỏ tà kiến, ngoài ra có riêng Chánh đạo. Cũng chẳng phải không Biên kiến, không tà kiến, không thể tu tập. Suy xét kỹ thì có thể nhận thấy, chớ lẫn lộn với Vô sinh. Kinh Đại Bát Niết-Bàn, Phẩm Tứ đế viết: “Như-Lai biết rõ Như-Lai thường trụ, gọi là tu tập về Khổ. Như biết rõ pháp thường trụ thì đó là tu tập về Tập. Như tu tập về diệt, nếu phần nhiều tu Không thì gọi là bất thiện. Vì sao? Vì đã diệt, hoại tất cả pháp, hủy hoại đối với chân pháp tạng của Như-Lai, nên giống với ngoại đạo.

Như có chỗ nói, có Như-Lai tạng, tuy không thể thấy nhưng nếu diệt trừ phiền não thì mới có thể được hội nhập. Nếu phát tâm ấy, nhân-duyên một niệm, ở trong chỗ chứng đắc mà được tự tại?” Phần kết nói: “Tạng bí mật của Như-Lai tức là Diệt đế. Đạo Thánh đế đó là Phật Pháp Tăng bảo cùng sự giải thoát chân chính. Như có thể nơi một niệm phát tâm thấy được Như-Lai thường trụ, không biến đổi, Pháp, Tăng giải thoát cũng lại như thế, gọi là tu tập về Đạo”. Trên đây là ý nói về Vô tác Tứ đế.

- Số từ câu: “Không khổ, không tập” tiếp xuống: Là phần thứ ba, thâm gọn để qui về một Đế. Nghĩa về một Thật đế cũng là văn nơi Kinh Đại Niết-Bàn quyển thứ mười ba. Bồ tát Văn Thù hỏi Phật: “Thế Tôn! Trong Đệ nhất nghĩa có Thế-đế chẳng? Trong Thế-đế có Đệ nhất nghĩa chẳng? Nếu như có thì chỉ là một đế. Còn nếu là không thì phải chẳng điều Như-Lai nói là hư vọng?” Phật đáp: “Thiện nam! Thế-đế tức là Đệ nhất nghĩa đế”.

Hỏi: “Thế Tôn ! Nếu như vậy thì không có hai đế.”

Đáp: “Thiện nam! Có phương tiện thiện xảo, thuận theo chúng-sanh nên nói về hai đế v.v... tức đều là nghĩa về một đế.” Phần tiếp dưới, cũng là Bồ tát Văn Thù hỏi: “Chỗ gọi là Thật đế, nghĩa ấy là như thế nào?” Đáp: “Thật đế gọi là pháp chân thật. Nếu pháp chẳng phải là chân thật thì chẳng gọi là Thật đế. Lại gọi là không điên đảo. Lại không có hư vọng, gọi là Đại-thừa, là do Phật giảng nói, chẳng phải là do Ma nói.” Lại nói: “Thiện nam! Thật đế là đạo thanh tịnh duy nhất, không có hai. Thiện nam! Có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thì đấy gọi là nghĩa của Thật đế.”

- Số từ câu: “Cho nên ở một phẩm này.” Tiếp xuống: Là phần lớn thứ hai. Tóm kết, chỉ rõ về kinh. (Phần thứ nhất là biện giải về Tánh tướng của Tứ đế, nói đến bốn thứ Tứ đế).

Trong đoạn thứ ba nêu trên, đã nói: “Kinh này chính là đồng với Vô lượng Tứ đế”, vả chẳng là chỉ theo một nghĩa. Nay thì nêu bày tóm kết chung gồm đủ bốn thứ Tứ đế. Cho nên phần Sở giải trên nói: “Mà văn nghĩa bao quát rộng khắp, ngôn từ gồm cả Tánh tướng.” Tướng tức Sinh diệt Tứ đế cùng Vô lượng Tứ đế. Tánh tức Vô sinh cùng Vô tác Tứ đế. Tướng do có rộng hẹp thành hai thứ Tứ đế. Tánh lấy Không, Thật làm thành hai thứ Tứ đế. Tông chỉ của kinh phải dung thông nên nêu lên một thì gồm thâm cả bốn, mới là diệu chỉ của kinh. Do ý nghĩa của bốn thứ Tứ đế dẫn ra kiến giải của các Sư, nên văn nơi bản Sở giải sử dụng ngầm khiến hợp với văn của kinh, không nêu danh mục. Tóm

kết, quy về hai đôi thuận với chỗ thường gặp nơi Kinh, Luận, hoặc gọi là “Hữu tác, Vô tác”, hoặc gọi là “Hữu lượng, Vô lượng”. Nay ý của chỗ tóm kết thì Hữu tác là Sinh diệt, Hữu lượng thì đồng với Vô sinh, tức ở trên Hữu lượng đã nói về Vô sinh vậy. Hai thứ còn lại tên đồng với mười lớp của năm địa, đến văn tự thấy rõ, nay chỉ lược nêu ra tên gọi:

Một: Thiện tri Tục đế

Hai: Thiện tri Đệ nhất nghĩa đế

Ba: Tướng đế

Bốn: Sai biệt đế

Năm: Thành lập đế

Sáu: Sự đế

Bảy: Sinh đế

Tám: Tận vô sinh đế

Chín: Nhập đạo trí đế

Mười: Khéo nhận biết về tất cả địa của Bồ tát, lần lượt thành tựu đế cho đến Thiện tri Như-Lai Trí thành tựu đế.

- Sở từ câu: “Đáp lại, về danh tuy ở nơi Tiểu” tiếp xuống: Là thông tỏ một câu hỏi này, có hai ý:

Một: Bốn đế có tính chất bao hàm.

Hai: Chia, mở Quyền để hiển bày Thật.

Một: Câu: “Tên gọi tuy ở nơi Tiểu”: Trong kinh phần nhiều nói, vì câu Thanh văn nên giảng nói về Tứ đế. “Nghĩa chung cả Đại, Tiểu”: Tức Sinh diệt, Vô sinh Tứ đế.

Nói: “Sự, Lý gồm đủ”: Như mười hai duyên chỉ là Sự mà không có Lý. Nay Diệt đế là Lý, mười hai nhân-duyên thì danh rộng mà sự tóm lược, Sự cũng chẳng đủ, chỉ có Khổ, Tập mà không có Đạo đế. Sáu Ba-la-mật thì chỉ hiển bày nẻo xuất thế-gian ấy, không có nẻo thế-gian, chỉ có Đạo, Diệt mà không có Khổ, Tập đế.

Từ câu: “Nghĩa là hai đế Khổ, Tập” tiếp xuống: Là nêu đầy đủ về Tướng.

Nói: “Thế giới có biến dị nhưng riêng ở đây không đổi”: chư Phật ở mười phương, xuất hiện ở đời giáo hóa chúng-sanh đều khiến họ lìa bỏ mọi hệ lụy thế-gian, chứng đắc Niết-Bàn, ba đời cùng như thế. Cho nên kinh Niết-Bàn nói: “Như-Lai xưa cùng với các ông chẳng rõ về bốn chân đế nên mãi bị lưu chuyển trong biển khổ lớn sinh tử.”

Từ câu: “Huống hồ là Vô lượng vô tác” tiếp xuống: Là gồm thâu hai lớp sau. Chỉ dùng hai lớp trước về Tánh Tướng gồm đủ, bao hàm

cả Đại, Tiểu, hướng hồ là còn thêm hai loại ấy nữa, thì diệu chỉ của cái Thật duy nhất chính là ở đấy.

- Sớ từ câu: “Lại vì nhằm phá trừ vọng chấp, dẫn dắt căn cơ” tiếp xuống: Là phần thứ hai, mở Quyền để hiển bày Thật.

Do các kinh phần nhiều nói bốn đế là Tiểu-thừa, nay mở ra chỗ giới hạn ấy, gọi là hiện hữu khắp Pháp giới, trừ bỏ chỗ chấp về Tướng tức hội nhập nẻo Vô sinh, dẫn vào Nhất thừa tức gặp nẻo chân thật. Hướng chi là sáu độ v.v. mà chẳng hiện hữu khắp sao?

Phần thứ năm là chính thức giải-thích văn. Sớ: “Như đem sợi lông mi đặt trong lòng bàn tay thì chẳng biết”: Hoàn toàn là nơi Luận Câu Xá. Phần Tụng có đoạn:

*“Cho nên đem sợi lông mi  
Đặt lòng tay chẳng biết  
Nếu chạm nơi con người  
Tất khổ cực chẳng an  
Phạm phu như bàn tay  
Chẳng rõ Hành khổ nhỏ  
Kẻ trí như con người  
Duyên cực sinh chán sợ.”*

Câu: “Mà lại dùng khổ để dứt bỏ khổ”: Tức nơi Kinh Pháp Hoa, quyển thứ nhất. Kệ của kinh có câu:

*“Chẳng cầu thế lớn Phật  
Cùng pháp đoạn trừ khổ  
Vào sâu nẻo tà kiến  
Dùng khổ để bỏ khổ  
Vì những chúng-sanh ấy  
Mà khởi tâm đại bi...”*

- Sớ: “Nghĩa là có Hoặc Nghiệp trói buộc nơi ba cõi”: Rõ ràng là nơi ba thứ tạp nhiễm thì Hoặc Nghiệp là nguyên nhân, có riêng nhiều thứ nhưng chung qui không ra ngoài hai loại.

- Sớ: “Phiền não gọi là tranh cãi”: Tức nơi Luận Câu Xá. Luận viết: “Phiền não gọi là tranh tụng, làm loạn động phẩm thiện. Nay diệt trừ phiền não, nên gọi là không tranh cãi.”

- Sớ: “Chẳng phải chỉ diệt trừ Hoặc mà thôi”: Như Luận Thành Thật cũng nói về diệt. Ví như đèn diệt thì dầu và ánh sáng cùng hết, không có riêng một sự thật ở nơi chốn diệt tận ấy. Đại sư Tăng Triệu cũng dùng câu này: “Thật tức diệt trừ Hoặc thì Pháp thân thường trụ hiển bày có Thật thể.” Kinh Đại Bát Niết-Bàn, quyển thứ tư Ngài Ca

diếp nêu câu hỏi: “Như chỗ Phật đã giảng nói, giống như ngọn đèn diệt thì không còn có phương hưởng, nơi chốn. Như-Lai cũng thế, đã diệt độ rồi thì cũng không có phương hưởng nơi chốn”. Phật bảo Ca diếp: “Thiện nam! Như người lúc đốt đèn thì bình đèn dù lớn hay nhỏ, ắt đổ đầy dầu vào trong bình ấy. Tùy nơi dầu mà đèn cháy, ánh sáng vẫn còn. Nếu dầu hết thì ánh sáng của đèn cũng dứt. Về ánh sáng của đèn dứt là dụ cho phiền não được diệt trừ sạch. Ánh sáng của đèn tuy dứt hẳn nhưng bình đèn thì vẫn còn. Như-Lai cũng như thế. Phiền não tuy dứt mà Pháp thân thường trụ.”

Phần văn tiếp theo sau lại nói: “Như ngọn đèn không còn cháy sáng nữa là Niết-Bàn của A-la-hán.” Phẩm Tứ đế (kinh đại Bát Niết-Bàn) có câu: “Như nói tu tập về pháp Không thì đó là bất thiện, tức hủy hoại tất cả pháp tạng chân thật của Như-Lai, đồng với ngoại đạo. Cho nên biết, thể của diệt pháp ấy là chân thật.”

Câu: “Tiếp theo nói: Tự tánh an trụ” là làm rõ nghĩa chân thật của Thể nơi văn nêu trên. Tức Thể chân thật thì phân biệt chẳng phải là hư vọng và chẳng phải là rỗng không, không có. Nói: “Tự tánh an trụ”, tức là Pháp trụ, là chỗ đứng đứng của Pháp. “Xưa nay tịch diệt” tức là xác nhận nghĩa “Tự tánh an trụ” nơi văn dẫn trên.

- Số: “Trong Tập là ngọn nguồn của bệnh, nghĩa là có sự vin, dựa duyên kết.” Tức nơi Kinh Tịnh Danh, quyển thứ hai. Kinh viết: “Thế nào là gốc của bệnh? Là do có vin dựa duyên kết. Từ chỗ có vin dựa, duyên kết, tức là gốc của bệnh.” Phần văn tiếp theo nói: “Làm thế nào đoạn trừ sự vin dựa, duyên kết? Là không thủ đắc. Nếu không thủ đắc thì không còn sự vin dựa, duyên kết.”

**Giải-thích:** chính là nêu ra gốc của bệnh, không thủ đắc là nhân thuận hợp.

- Số: “Hoặc do vọng khởi, số phần nhiều như cát bụi”: Tức nơi Kinh Đại Bát-nhã: “Bát-nhã Ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc sắc thanh tịnh, hoặc Trí Nhất thiết trí thanh tịnh, không hai, không hai phần, không sai biệt, không đoạn diệt.” Không hai phần tức là một phần. Do vậy mà đại sư Đạo Sinh nói: “Muôn thiện lý đồng mà cùng bao gồm. Mất đi sự dị biệt mà biên vực dứt tuyệt. Khéo nhân ấy mà chế ngự Hoặc thành riêng, nên có tám vạn tên gọi của Hành. Hành tuy lắm vẻ nhưng cùng đạt quả là Bồ đề. Chung do một Lý dùng để thấu tóm thì đâu có hai phần? Lý chẳng thể phân vì như hư không.”

- Số: “Chốn đó ở nơi diệt.” Diệt là tối thượng, tức là sự đạt đến. Đạo có khả năng chứng đắc diệt nên là con đường đi hơn hết (Thượng

hành). Chữ “Thượng hành” là ở nơi sách Chu Dịch. Quẻ Khiêm có câu: “Đường đất thấp mà là con đường đi hơn hết.” Phần Thoán từ của quẻ Phệ Hạp nói: “Mềm dịu thì được trung chính mà là con đường đi hơn hết.”

**Chú thích:** Thượng hành (con đường đi hơn hết) nghĩa là ở chỗ tiến tới. Phàm nói: “Thượng hành” tức ở chỗ tôn quý. Nay mượn từ ấy để tạo thế cho câu văn.

- Số: “Nói quán phương nghĩa là quán về bốn đế”: Tức nơi kinh Đại Bát Niết-Bàn, quyển thứ ba mươi sáu, Phẩm Ca Diếp. Kinh viết: “Như nơi bờ sông Hằng có bảy loại chúng-sanh:

Một: Loại luôn chìm Ẩn trong nước

Hai: Loại chìm rồi trở lại ra khỏi, ra khỏi rồi lại chìm

Ba: Loại chìm rồi nhưng lại ra khỏi, đã ra khỏi thì không chìm nữa.

Bốn: Là loại đã ra khỏi nước thì xem xét phương hướng.

Năm: Là hạng xem xét phương hướng xong rồi đi.

Sáu: Là hạng đi ra tới chỗ cạn thì đứng lại.

Bảy: Là hạng đi tới bờ bên kia.”

Văn nêu dẫn có lược bớt. Nay chỉ chọn lấy một nghĩa thứ tư là xem xét phương hướng. Kinh nêu : “Đó gọi là loại thứ tư quan sát khắp bốn phương. Bốn phương tức là bốn đế.”

**Giải-thích:** có thể quán bốn đế tức là đạo đế. Đạo gọi là xem xét phương hướng.

- Số: “Lại có bốn phương như Phẩm Thập Định”: Tức nơi Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ bốn mươi hai, trong phần dụ về ao A-nậu-đạt kết hợp với ao bốn phương. Kinh viết: “Phật tử! Những gì gọi là Bồ tát bốn phương? Đó là thấy tất cả Phật mà được mở bày, tỏ ngộ; Nghe hết thấy pháp, thọ trì chẳng quên; thực hiện viên mãn tất cả Hạnh Ba-la-mật; Tâm đại bi thuyết pháp đầy đủ cho chúng-sanh.”

**Giải-thích:** Nếu quán về bốn thứ kể trên chính là con đường tu tập, hành hóa của Bồ tát.

- Số: “Sinh lão bệnh tử cũng như bốn núi đến hại người”: Là Kinh Đại Bát Niết-Bàn, quyển thứ hai mươi chín, trong phần giải-thích về tám dụ, chẳng phải là dụ có đoạn: “Thế nào là chẳng phải dụ? Như trước kia có lần Như-Lai nói với vua Ba Tư Nặc: Đại vương có người thân tín từ bốn phương đến đều nói với nhà vua: Đại vương! Có bốn ngọn núi lớn từ bốn phương lại muốn hại muôn dân. Nếu nghe như vậy thì đại vương sẽ lập kế gì? Vua đáp: Thế Tôn! Nếu quả như thế thì

không còn có chỗ trốn tránh, chỉ nơi chuyên tâm trì giới, bố thí. Như-Lai khen ngợi: Lành thay! Đại vương! Như-Lai nói bốn ngọn núi tức là sanh lão bệnh tử của chúng-sanh. Bốn sự khổ ấy luôn đến để bức hại muôn người tại sao đại vương chẳng tu tập bố thí, giữ giới?” tức là sự việc này. Cho nên người hiền cùng với kẻ không ra gì, khỏe mạnh, giỏi giang, ốm yếu, hèn kém cùng bị bốn khổ kia làm cho đời đổi. Toàn bộ không ai có thể thoát khỏi. Phạm vương, Đế Thích, kẻ bần cùng, hạ tiện; Thuấn Nghiêu, Kiệt Trụ, tam miêu tứ hung... cùng qui về tro đất, đều là chỗ nường dựa của khổ.

- Sớ: “Từ Hoặc sinh Hoặc là nghiệp”: Tức nơi Luận Câu Xá. Phần Tụng đây đủ là:

*“Từ Hoặc sinh Hoặc, Nghiệp  
Từ Nghiệp sinh nơi sự  
Theo sự sự Hoặc sinh  
Có phân lý ở đây.”*

Kệ này đến phần bàn về sáu địa sẽ giải-thích. Nay chỉ nhằm giải-thích ý nghĩa của câu: Từ “Hoặc sinh Hoặc” tức là từ Ái sinh ra Thủ. Nói “Từ Hoặc sinh Nghiệp” tức từ Thủ sinh Hữu, cùng Vô minh sinh Hành. Sự tức là khổ. Nay chỉ nói về Tập nên chỉ nêu lên Hoặc, Nghiệp.

- Sớ: “Như ấn sấp in vào đất sét”: Tức nơi kinh Đại Niết-Bàn quyển thứ hai mươi chín, phần tiếp sau sẽ giải-thích rộng. Văn nơi bản Sớ giải của phần tiếp theo tức là văn của kinh ấy. Nay sẽ lược dẫn. Kinh nói: “Thiện nam! Như mặt trời sấp lặn thì bóng của núi đồi gò đồng ngã về hướng đông, lý không trở về phía tây. Quả báo của chúng-sanh cũng lại như thế. Lúc thân năm ấm này diệt thì thân năm ấm kia nối tiếp sinh ra. Như đèn cháy thì bóng tối mất, đèn tắt thì bóng tối hiện ra. Nay Thiện nam! Như ấn sấp in vào đất sét, ấn cùng đất sét hợp, tan rã thì chữ nổi lên. Mà ấn sấp này chẳng biến nơi đất sét, nét chữ chẳng phải từ đất sét sinh ra, cũng không từ nơi khác tới, do ấn làm nhân-duyên mà sinh ra nét chữ ấy. Năm ấm hiện tại diệt, thân trung ấm liền sinh. Năm ấm hiện tại trọn chẳng biến làm thân Trung ấm. Thân Trung ấm cũng chẳng phải tự sinh, cũng chẳng từ nơi khác đến. Nhân nơi thân hiện tại mà sinh thân trung ấm. Như ấn sấp in nơi đất sét, ấn rã thì nét chữ thành hình. Tên gọi tuy không sai biệt mà thời tiết thì có riêng khác.”

**Giải-thích:** Nghĩa thì đến phần dưới sẽ giải-thích. Nay ý là ở chỗ “Phá trừ ấn kia”. Ấm tức là khổ. Nếu chứng đắc Lý của diệt thì Ấm của



hiện tại chẳng còn là nhân của ấm sau. Ấm sau không sinh tức là “Phá trừ ấn” vậy.

- Sớ: “Soi chiếu Thật thì sanh tử có thể tận cùng.” Đây là chình thức xác lập Lý.

Từ câu: “Cho nên Trung Luận có câu” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Trước hết nêu văn nơi kệ tức Phẩm quánTà kiến. Kệ viết:

*“Nếu thế-gian hữu biên  
Vì sao không đời sau?  
Nếu thế-gian vô biên  
Vì sao có đời sau?”*

Trên là giải-thích theo lối đảo ngược vấn đề. Phần tiếp theo nói:

*“Năm ấm luôn nối tiếp  
Cũng như đèn tỏa sáng  
Do vậy nơi thế-gian  
Chẳng hữu biên, vô biên”.*

**Giải-thích:** Do duyên sinh nên Tánh không, chẳng thuộc hữu biên, vô biên. Lại viết:

*“Pháp thật cùng người thuyết  
Người nghe khó đạt được”*

Đây là căn cứ nơi Tướng mà nói. Không kết hợp với nhân duyên thì sinh tử là vô biên, kết hợp thì hữu biên. Ở đây có ba sự:

Một: Pháp chân thật như thuốc hay

Hai: Người thuyết giảng như thuốc hay

Ba: Người nghe như bệnh có thể trị được.

Như hội đủ ba sự ấy thì bệnh phiền não sẽ khỏi. Sinh tử có thể dứt tận. Dứt tận tức là Hữu biên. Chẳng hội đủ ba sự ấy thì phiền não lan tràn, sinh tử không bờ. Đây tức là vô biên. Cho nên kết luận nói: “Chẳng phải là Hữu biên, chẳng phải là Vô biên.”

- Sớ từ câu: “Nghĩa là ba sự khó được” tiếp xuống: Là văn nơi bản Sớ giải giải-thích câu kệ trên, tức ý của đại sư Ảnh (Đàm Ảnh). Đại sư giải-thích cho rằng: “Khó đạt được nên chẳng phải là Hữu biên. Khó đạt được nên chẳng phải là Vô biên.” Câu nói hầu như khó nhận thức nên nắm lấy ý để giải-thích. Nói “khó đạt được” chẳng phải là hoàn toàn không đạt được. Nếu hoàn toàn không đạt được thì toàn bộ là Vô biên. Nay có đạt được thì đạt được tức Hữu biên. Do “khó đạt được” nên là Vô biên... Đây cũng như căn cứ vào một người mà nói, nếu đối chiếu chung thì khó có biên vực.

- Sớ: “Nghịch nương nơi Tập”: Tức giả như tu tập nghiệp thiện,



tâm tu là Hữu lậu thì nương nơi Tập đế, nhân dứt báo cũng hết, nên gọi là “Trở lại là không”. Tâm tu là vô lậu thì nương nơi đạo, đạo khế hợp với Lý nên hưởng thẳng tới Bồ đề.

- Số: “Hai mươi lăm cõi đều là một phần”: Tụng viết :

*“Bốn châu, bốn cõi ác  
Phạm vương, trời Lục dục  
Vô tướng, năm A-Hàm  
Bốn không cùng bốn Thiên.”*

Nói rộng như nơi Kinh Đại Bát Niết-Bàn quyển thứ mười bốn.

- Số: “Số Thế tức là Tập”: Pháp hữu vi gọi chung là Số. Cũng là Số của Tâm. Nay trong phần chung chọn lấy cái riêng, nên gọi: “Tức là Tập.”

- Số: “Không có một Lý để xâu lại thì Nghiệp Hoặc có muôn thứ sai biệt”: Đại sư Đạo Sinh nói: “Phản thuận nơi Lý, tâm sinh gọi là Thiện, trái ngược lại là ác. Muôn thiện lý đồng mà tướng cùng mất, dị biệt mà biên vực dứt tuyệt.” Tức là nghĩa này.

- Số: “Chưa hội nhập nơi Nhẫn lại luôn có tánh đọa”: Tức nơi Luận Câu Xá. Luận viết:

*“Noãn ắt đến Niết-Bàn  
Đảnh trọn chẳng dứt thiện  
Nhẫn chẳng đọa cõi ác  
Nhập ly sinh đệ nhất”*

Trong bốn thiện căn thì thiện căn thứ ba mới khỏi bị đọa nơi địa ngục. Cho nên biết thân của khổ nương dựa là Tánh địa ngục.

- Số: “Đồng với Kinh Tịnh Danh, năm thọ ấm rộng suốt không...”: Tức kinh Tịnh Danh, chương Ca-chiên-diên (Phật bảo Tôn giả Ca-chiên-diên đến thăm bệnh Trưởng giả duy Ma). Kinh viết : “Chẳng sinh chẳng diệt là nghĩa vô thường. Năm thọ ấm rộng suốt không không hề dấy khởi là nghĩa khổ. Các Pháp hoàn toàn không thật có là nghĩa Không. Ở nơi ngã, vô ngã mà bất nhị là nghĩa vô ngã. Pháp vốn chẳng sinh nhưng nay thì chẳng diệt là nghĩa tịch diệt.” Nay chính là nhấn mạnh ở câu thứ nhất. Đến Hội thứ ba sẽ rộng, phân biệt. Đại sư Đạo Sinh nói: “Khổ là sự việc kết hợp đã thành tựu, há có thể có chẳng?” Do vậy mà nói “Năm thọ Ấm không là nghĩa của khổ.” Năm thọ ấm là chủ của khổ. Vô thường khước từ sinh cùng diệt, sự việc chẳng ở nơi một, lại chung cả hữu lậu, vô lậu nên nói các pháp khổ. Do tức Thế là không có nghĩa dấy khởi nơi bên trong, lại đạt được vô lậu, chẳng do mất thọ dẫn đến khổ, nên chỉ nói thọ ấm mà thôi.

“Rỗng suốt” là Khổ lấy Không làm Thể. “Rỗng suốt” không có gì dấy khởi, là giả kết hợp với pháp thích nghi phối hợp dấy khởi.

- Sớ: “Ái kiến v.v...”: Ái kiến La sát phần trước đã giải-thích xong. Hai địa nơi kinh viết: “Thân kiến La sát ở trong ấy chấp giữ. Đem chỗ ấy vĩnh viễn đi vào rừng rậm ái dục.”

Nói là vọng thể vốn rỗng không nên không thể giữ lấy.” : Là do hai nghĩa:

Một: Đoạn trước gọi là “Chấp giữ”, đoạn sau gọi là “không có gì để giữ lấy” (vô sở thủ) nghĩa giống như là trái ngược nhau. Cho nên văn nơi bản Sớ giải nhắc lại chỗ giải-thích, tiếp theo dưới là nêu dẫn Trung luận để giải-thích “Vô sở thủ”, tức là Phẩm Hành. Hành tức là Ấm. Nghĩa là người Tiểu-thừa cho Bồ tát lập luận có lỗi, nói: “Nếu tất cả pháp Không thì do đâu Phật thuyết giảng là đã hư dối vọng giữ lấy? Nếu có vọng chấp giữ nơi pháp thì chẳng phải không.” Kệ viết:

*“Như Phật dạy nơi kinh  
Hư vọng chấp giữ tướng  
Các pháp vọng chấp giữ  
Đó gọi là hư dối.”*

Nên Luận chủ nêu kệ để đáp, tức như văn nơi bản Sớ giải đã dẫn kệ (kẻ vọng chấp, hư dối; trong ấy chỗ chấp gì?). Ở đây phần đáp lại ý nói: Do chẳng thấu rõ về không, trong đó không có gì để chấp giữ mà sinh chấp giữ, vướng mắc nên gọi là vọng chấp. Nếu có cái gì để có thể chấp giữ thì chẳng gọi là vọng chấp. Cho nên biết: Nói rõ về vọng chấp chính là thuyết giảng về Không. Như trách người mắt bị nhậm vọng chấp về hoa đốm nơi hư không cũng chính là hiển bày hoa ấy là không thật có.

- Sớ: “Tánh của diệt là lia ngôn từ”: Tức là tướng của các pháp là vắng lặng chẳng thể dùng ngôn từ để diễn nói.

Câu: “Đạo thì khiến ngôn lia”: Tức Tâm bật là chỗ tận cùng của Thể lia ngôn từ, kế hợp với sự vắng lặng.

- Sớ: “Vô vi, không nhân mà Thể là quả”: Tức nơi Kinh Đại Bát Niết-Bàn, Phẩm Sư Tử Hống. Kinh viết: “Niết-Bàn không nhân mà Thể là quả. Nếu Niết-Bàn có Nhân thì chẳng được gọi là Bát Niết-Bàn. Nghĩa là Thể của Niết-Bàn hoàn toàn là không nhân, như không ngã, không ngã sở. Cũng như Luận Câu Xá nói: “Vô vi, không nhân quả.” Tức là nơi sáu nhân không có năm, chỉ có chủ thể tạo tác, nên gọi lia bỏ nhân mà Thể là quả chính là quả ly hệ (lia trói buộc).”

Câu: “Đạo của Bồ đề, đối chiếu với đây cũng là nhân” : chính đạt

được Bồ đề là chứng đắc Niết-Bàn, nên Bồ đề ấy cũng gọi là Nhân, là nhân trong quả. Lý diệt nơi Niết-Bàn cũng là quả của nơi chốn nhân. Lại nữa, Bồ đề ấy là quả của nơi chốn quả.

- Sớ: “Chẳng phải tập đạo học nổi chìm mà chẳng dứt”: cũng là nơi Kinh Đại Bát Niết-Bàn, quyển thứ ba mươi hai, Phẩm Sư Tử Hống. Ý của bảy người nơi sông Hằng. Tập đạo là pháp học. Bơi nổi là dụ. Trong Kinh, nhân Bồ tát Sư Tử Hống hỏi: “Nếu tất cả chúng-sanh cho đến hạng Xiển đề khẳng định là có Phật tánh, tức quyết định sẽ đạt tới vô thượng Bồ đề. Thế thường do đâu tất cả chúng-sanh chẳng được Niết-Bàn? Nếu có diệu lực của Phật tánh thì đâu cần phải tu tập Bát chánh đạo v.v.?” Phật liền khen ngợi, nhân đấy nêu lên dụ kia. Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Này Thiện nam! Như bên sông Hằng có bảy hạng người, hoặc vì tắm rửa, hoặc sợ giặc cướp, hoặc để hái hoa mà vào trong sông :

Người thứ nhất: Vào trong nước thì chìm. Vì sao? Là vì yếu đuối lại không biết bơi lội.

Người thứ hai, tuy bị chìm nhưng lại nổi, nổi rồi lại chìm. Vì sao? Vì có sức mạnh nên nổi lên, do chẳng biết bơi nên lại bị chìm.

Người thứ ba: bị chìm rồi liền nổi lên, nổi lên rồi thì không bị chìm, do có sức mạnh nên nổi lên, và vì biết bơi nên không bị chìm nữa.

Người thứ tư: Vào nước liền chìm, chìm rồi lại nổi, nổi rồi thì chẳng bị chìm nữa mà nhìn xem khắp bốn phương. Vì sao? Vì thân nặng nên chìm, nhờ có sức mạnh nên lại nổi lên. Vì biết bơi lội nên không bị chìm nữa, do không biết tiến phía nào nên nhìn xem khắp bốn phương.

Người thứ năm: Vào nước liền chìm, chìm rồi lại nổi, nổi rồi thì chẳng bị chìm nữa, nhìn xem phương hướng rồi bơi đi. Vì sao? Vì có sự sợ sệt.

Người thứ sáu: Vào nước thì bơi đi, tới chỗ cạn thì đứng lại. Vì sao? Vì để xem giặc cướp ở gần hay xa.

Người thứ bảy đã qua đến bờ bên kia, leo lên núi lớn, không còn sợ hãi, đã thoát khỏi giặc cướp, lòng rất vui sướng.

Này Thiện nam! Sông lớn sinh tử cũng lại như thế! Có bảy hạng người vì sợ giặc phiền não nên dốc tâm muốn lội qua sông ấy.”

Từ đây... trở xuống thì dùng nghĩa để tóm dẫn kinh văn.

Hạng người thứ nhất, tức chỉ cho người xuất gia mặc pháp phục, nhưng lại gắn bó với bạn xấu ác, nghe theo lời họ mà nhận pháp tà, bài bác nhân quả, là hạng Nhất xiển đề, bị chìm đắm trong sông sinh tử

không thể ra khỏi được .

Hạng người thứ hai, muốn vượt qua sông sinh tử vì dứt mất thiện căn nên bị chìm đắm không thoát được. Nhờ gần gũi với bạn lành có được tín tâm nên nổi lên. Nhưng lại gặp bạn ác, nên lại mất thiện căn, do đấy lại bị chìm.

Hạng người thứ ba, do dứt mất thiện căn nên bị chìm đắm. Nhờ gần gũi với bạn lành, có được tín tâm nên nổi lên. Tín tâm là tin Như-Lai thường trụ, tu tập giới tịnh, đọc tụng biên chép mười hai bộ kinh, trụ vững nơi bố thí, trí tuệ, nên gọi là chẳng bị chìm. Tu tập về giới, bố thí, trí tuệ tức là tập bơi lội.

Hạng người thứ tư, không bị chìm nữa cùng an trụ, đều giống với người thứ ba, chỉ hợp với việc nhìn xem khắp bốn phương. Gọi là xem khắp bốn phương tức bốn quả Sa môn.

Hạng người thứ năm, các nghĩa khác đều giống như trước, chỉ có phần “rời bờ đi” tức tâm không thối chuyển, đã trụ nơi không thối chuyển rồi thì đi tới phía trước. “Đi tới thẳng phía trước” là chỉ cho Bích chi Phật.

Hạng người thứ sáu: Nơi phần dụ nêu trước chỉ nói: Vào nước rồi liền bơi đi, cùng đến chỗ cạn, trong chỗ hợp cũng giống với người thứ năm, đều có: chìm xuống, nổi lên, đứng yên, bơi đi. Đi tới chỗ cạn liền trụ ở đấy, nghĩa là chư vị Bồ tát muốn cứu độ chúng-sanh, nên trụ lại để quan sát về phiền não.

**Kinh viết:** “Người thứ bảy dốc ý muốn vượt qua sông lớn sinh tử, do mất thiện căn nên bị chìm đắm trong ấy. Nhờ gần gũi với bạn lành, đạt được tín tâm. Được tín tâm rồi thì gọi là nổi lên. Do có tín tâm nên đã thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng giải mười hai bộ kinh, vì chúng-sanh mà nêu giảng rộng, phát huy, lưu hành, ưa thích bố thí, tu tập trí tuệ, nhờ căn trí lanh lợi nên trụ vững nơi tín tuệ, tâm không thối chuyển. Tâm không thối chuyển rồi tức liền đi tới phía trước, thẳng đến bờ kia, leo lên núi cao lớn, lìa khỏi mọi sợ hãi, thọ nhận nhiều an lạc.”

Này Thiện nam! Núi nơi bờ kia là dụ cho Như-Lai. Nhận được sự an lạc là dụ cho Phật thường trụ. Núi cao lớn là dụ cho Đại Niết-Bàn. Này Thiện nam! Những người ở bên sông Hằng ấy đều có đầy đủ chân tay mà không thể qua sông được. Tất cả chúng-sanh cũng lại như vậy. Thật sự là có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, Như-Lai luôn giảng nói về ý nghĩa của các pháp căn bản như tám Thánh đạo, Đại Bát Niết-Bàn, nhưng các chúng-sanh đều chẳng thể đạt được! Đây chẳng phải là lỗi của Như-Lai, cũng chẳng phải là lỗi của Thánh đạo, của chúng-sanh.

Cho nên biết thấy là lỗi ác của phiền não, do vậy mà hết thấy chúng-sanh chẳng đạt được Niết-Bàn.”

**Giải-thích:** Đã rõ chúng-sanh tuy có Phật tánh nhưng cần phải tu tập theo chánh đạo thì mới đạt đến bờ giải thoát.

- Sớ: “Thân cùng với phiền não hỗ tương nương dựa, diễn tiến đến vô cùng.”: Tức cũng nơi Kinh Đại Bát Niết-Bàn quyển thứ bốn mươi, Phạm-chí Nạp Y nêu câu hỏi: “Như lời Cù Đàm giảng nói, trong vô lượng đời làm điều lành, điều chẳng lành, đời vị lai trở lại được thân lành, chẳng lành, nghĩa ấy chẳng phải như thế. Vì sao? Vì như Cù Đàm đã nói, nhân nơi phiền não nên có được thân này. Nếu nhân nơi phiền não mà có được thân này thì thân có trước hay phiền não có trước? Nếu phiền não có trước thì ai tạo ra và ở tại nơi nào? Nếu thân có trước thì sao lại nói là nhân nơi phiền não mà có thân? Do đó nếu nói phiền não có trước hay thân có trước đều không được. Nếu nói cùng thời thì cũng chẳng được. Vậy là trước, sau, đồng thời, nghĩa đều chẳng được. Vì thế, tôi nói tất cả các pháp đều có tự tánh, chẳng phải từ nơi nhân-duyên.”

Phần kinh tiếp dưới đáp lại nói: “Thiện nam! Ông hỏi thân là có trước hay phiền não có trước, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu ta nói thân có trước thì ông mới nêu vấn nạn. Ông cũng đồng với ta cho thân chẳng có trước, cơ sao lại nêu vấn nạn như vậy?”

Này Thiện nam! Tất cả chúng-sanh thân cùng với phiền não không có trước sau, chỉ đồng một thời mà có, tuy là một thời mà có, nhưng phải nhân nơi phiền não mà có được thân, trọn chẳng nhân nơi thân mà có phiền não.”

**Giải-thích:** ở trên có ba sự quan hệ: Trước, sau, một thời. Phật bỏ trước, sau, chỉ dùng một thời. Nhưng sợ còn nêu vấn nạn về một thời nên Phật tự ngăn chặn:

Theo ý của ông cho rằng, như đôi mắt của con người đồng thời mà có, chẳng cùng nhờ vào nhau, mắt bên trái chẳng nhờ nơi mắt bên phải, mắt bên phải chẳng nhờ nơi mắt bên trái, phiền não và thân cũng lại như vậy. Nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì trong đời, con mắt trông thấy ngọn đèn cùng với ánh sáng tuy lại đồng một thời, nhưng ánh sáng phải nhân nơi ngọn đèn, chẳng phải là nhân nơi ánh sáng mà có ngọn đèn.”

**Giải-thích:** ở đây Phật đã đáp rõ: Một thời, nhân-duyên hai nghĩa cùng thành. Cho nên nay vẫn nơi bản Sớ giải viết: “Thân cùng với phiền não hỗ tương nương dựa. Nói “Hỗ tương nương dựa”, tức là nghĩa cùng thời. Chẳng phải là nhân nơi thân mới có phiền não nhưng là nhân nơi



phiền não mà có được thân. Phiền não là chủ thể phát sinh. Lại dựa nơi thân để trụ, vậy cũng chẳng nên nêu vấn nạn: “Lúc chưa có thân thì phiền não dựa vào cái gì?” Do đấy nói là: “Cùng nương dựa”. Cả hai cùng nhân chỗ nương dựa mà diễn tiến đến vô tận. Nếu chứng đắc Lý của diệt thì nhân là Hoặc (phiền não) chẳng sinh. Hoặc đã chẳng sinh thì thân từ đâu mà có được? Chẳng những chỉ thân tịch diệt chứng đắc nơi chẳng sinh mà nhận thức về sự diễn tiến cũng đều vắng lặng.”

- Sớ: “Đạo gọi là tánh rộng lớn, không nơi nào là không hiện hữu”: Câu: “Đạo không nơi nào là không hiện hữu” là nơi sách Nam Hoa Kinh của Trang Tử. “Đông Quách Tử hỏi Trang Tử: Đạo ở nơi đâu? Đáp: Không nơi nào là không có nó. Hỏi: xin chỉ ra mới được. Đáp: Đạo ở nơi gạch ngói. Hỏi: Thấp hơn nữa. Đáp: ở nơi cục phân. Hỏi: Rất thấp hơn nữa. Đáp: Đạo không nơi nào là không hiện hữu.” Quan điểm này cho Hư vô, tự nhiên là đạo. Không pháp nào không là hư vô, tự nhiên, nên không đâu là không có mặt. Nay chỉ dùng chỗ cùng loại kia, tức Chân như tịch diệt thì không nơi chốn nào là không hiện hữu. Đạo phù hợp nơi diệt nên chỗ nào mà chẳng có mặt.

- Sớ: “Tức biết thế giới Mật Huấn cùng với Hư không là chủ, thân tóm bạn cũng thế.” Ở đây có hai lớp:

Một: Nghĩa là đức Thích Ca ở cõi này là chủ, thân tóm thế giới Mật Huấn v.v... là bạn. Tức tại thế giới Mật Huấn là chủ, thân tóm thế giới Ta Bà v.v... là bạn cũng thế. Mới là đế của một Phật.

Hai: Như Phật ở đây gọi về đế, đã là chủ bạn vô tận, tức thế giới Mật Huấn cùng với Phật ở đấy là chủ thì gọi về đế cũng vậy.

-----